

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Ông Bùi Duy Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970; thường trú: Khu phố Phước Tiến, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tạm trú: Tổ 6, ấp B, xã Phước T, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Bá C, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 1, khu phố 1, phường H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Lê Thị T và ông Phạm Bá C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Quảng T, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/1990. Sau khi kết hôn, bà T và ông C sinh sống tại Thanh Hóa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng bà T đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà T và ông C đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà T và ông C không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C có 04 con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 08/8/1991, Phạm Thị H, sinh ngày 12/7/1993, Phạm Thị N, sinh ngày 17/3/1998 và Phạm Bá S, sinh ngày 26/11/2004. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Bá, không yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Bá S. Con chung tên Phạm Thị H, Phạm Thị H, Phạm Thị N đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Thanh có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Phạm Bá C vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Phạm Bá C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Bá C.

[2] Bà Lê Thị T và ông Phạm Bá C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/1990 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống giữa bà T và ông C

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà T và ông C đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông C tham gia tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông C vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 04 con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 08/8/1991, Phạm Thị H, sinh ngày 12/7/1993, Phạm Thị N, sinh ngày 17/3/1998 và Phạm Bá S, sinh ngày 26/11/2004. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Bá S. Đối với các con chung tên Phạm Thị H, Phạm Thị H và Phạm Thị N đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu S đang sống cùng với bà T và có nguyện vọng sống cùng với bà T nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu giải quyết các con chung tên Phạm Thị H, Phạm Thị H, Phạm Thị N do đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phạm Bá C.
- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Bá S, sinh ngày 26/11/2004 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị T và ông Phạm Bá C đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052189 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thành Hiệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp

